

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ban án số: 15/2019/HNGĐ – ST
Ngày 20-5-2019
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Hồng T**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: B5/5, KP.1, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP.Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Đặng Quốc T1**, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phạm Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện kết hôn với ông Đặng Quốc T1 vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP.Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại B5/5, KP.1, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP.Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2011 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con: Không có con chung. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi hay con riêng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Quốc T1 trình bày: Ông thống nhất với bà T về quan hệ hôn nhân. Nay ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con: Không có con chung. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi hay con riêng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với ông Đặng Quốc T1, yêu cầu của bà T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1 cư trú tại xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có ý kiến và có đơn xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm: 1988 và ông Đặng Quốc T1, sinh năm: 1982 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP.Hồ Chí Minh. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà T và ông T1 xác định có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 11/2011 cho đến nay, bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu được ly hôn với ông T1, đồng thời ông T1 cũng đồng ý hôn với bà T. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông T1 và bà T đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Hồng T

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Hồng T được ly hôn với ông Đặng Quốc T1.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng T phải chịu 300.000đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0006485 ngày 06/3/2019.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND phường Tân Thới Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh